TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ XUYÊN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 199/2022/HNGĐ - ST
Ngày:08 - 8 - 2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ XUYÊN, TP HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Phùng Văn Phong.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thịnh và ông Đào Đức Giôn.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lê Mai – Cán bộ Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tấn - Kiểm sát viên.

Mở phiên tòa ngày 08 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 179/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2022/QĐXX - ST ngày 26 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Thân Thị Thanh T, sinh năm 1979.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn S sinh năm 1981.

Đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn A, xã P, huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội.

Chị T có mặt. Anh S có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Thân Thị Thanh T trình bày:

Chị với anh Nguyễn Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tháng 12 năm 2006 tại UBND xã P, huyện Phú Xuyên. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại thôn A, xã P, huyện Phú Xuyên. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đến cuối năm 2021 thì trở nên trầm trọng. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, ngoài ra anh S còn thường xuyên ngược đãi, đánh đập chị thậm tệ. Do mâu thuẫn quá trầm trọng, chị đã nhiều lần làm đơn ly hôn nhưng được gia đình khuyên giải nên lại cố nhẫn nhịn chịu đựng. Tuy nhiên, càng nhẫn nhịn thì anh S càng trở lên quá đáng, hành hạ chị nhiều hơn. Xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống được nữa nên chị đã bỏ về nhà đẻ từ tháng 3 năm 2022 và sống ly thân anh S.

Do tình cảm vợ chồng không còn, sức chịu đựng cũng đã quá giới hạn nên chị làm đơn đề nghị được ly hôn với anh Nguyễn Văn S.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Mạnh H sinh ngày 09/4/2008 hiện đang ở với anh S. Ly hôn, nếu cháu H muốn ở với anh S chị cũng nhất trí. Trường hợp cháu H ở với chị thì chị không yêu cầu anh Sơn phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về công nợ chung: Vợ chồng không có công nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại các bản trình bày và biên bản lấy lời khai trong quá trình tố tụng, phía bị đơn Nguyễn Văn S trình bày:

Anh với chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng kí kết hôn năm 2006 tại UBND xã P, huyện Phú Xuyên. Sau khi cưới vợ chồng về chung sống tại thôn A, xã P. Vợ chồng chung sống đến cuối năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn xuất phát từ nhiều nguyên nhân, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xô sát đánh chửi nhau. Thời điểm đó cả hai xác định mâu thuẫn đã trầm trọng và cùng làm đơn ly hôn nhưng sau đó phần vì được gia đình khuyên răn, phần cũng vì thương con nên vợ chồng đã hòa giải đoàn tụ. Tuy nhiên, sau khi hoà giải, tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện và ngày càng gay gắt.

Nay chị T có đơn ly hôn, anh xác định vợ chồng không thể cùng nhau chung sống nên đề nghị Tòa án không hòa giải đoàn tụ. Mặc dù vậy, anh cũng không thuận tình ly hôn, nếu chị T vẫn kiên quyết đòi ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Mạnh H sinh ngày 09/4/2008, ly hôn, anh đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung vợ chồng: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Vợ chồng không có công nợ chung nên anh cũng không yêu cầu Tòa giải quyết.

Đại diện VKSND tham gia phiên toà xác định:

Quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định về thu thập chứng cứ, chấp hành đúng pháp luật tố tụng; Đương sự vắng mặt đã được Tòa án tạo mọi điều kiện để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự; Đương sự có mặt đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà...

Do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của khởi kiện của chị Thân Thị Thanh T và áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Thân Thị Thanh T được ly hôn anh Nguyễn Văn S; giao con chung là Nguyễn Mạnh H sinh ngày 09/4/2008 cho anh Nguyễn Văn S trực tiếp chăm sóc, giáo dục, tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T; tài sản chung, công nợ chung các bên đều không đề nghị Tòa xét nên không đặt ra.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự và quan điểm của Đại diện VKSND, HĐXX nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Đây là vụ kiện Hôn nhân và gia đình tranh chấp về ly hôn, bị đơn có địa chỉ cư trú tại thôn A, xã P, huyện Phú Xuyên nên việc TAND huyện Phú Xuyên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

Năm 2006, chị Thân Thị Thanh T kết hôn với anh Nguyễn Văn S, đây là cuộc hôn nhân tự nguyện, hợp pháp có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Phú Xuyên (Đăng ký kết hôn số 74 quyển số 01). Quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, khắc khẩu, lại bất đồng quan điểm... khiến vợ chồng thường xuyên to tiếng, xô sát. Mâu thuẫn ngày càng kéo dài và trở lên trầm trọng, một trong hai sau đó là cả hai đều đã nhiều lần tính đến chuyện ly hôn nhưng do được gia đình khuyên nhủ nên đã cố gắng hòa giải để tiếp tục chung sống. Mặc dù đã kéo dài thời gian chung sống song tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện, tiếp tục trở nên căng thẳng và trầm trọng nên đến tháng 3 năm 2022 cả hai đã tự sống ly thân nhau, chấm dứt cuộc sống vợ chồng.

Xét hôn nhân giữa chị T và anh S đã hết sức trầm trọng, bản thân anh S cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức không thể cùng nhau chung sống. Việc anh S không đồng ý ly hôn nhưng lại không mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ... càng chứng tỏ tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn, mục đích hôn nhân là hạnh phúc gia đình không đạt được, hôn nhân tồn tại vốn dĩ đã không còn ý nghĩa….Vì vậy, yêu cầu của chị T xin ly hôn anh S là có căn cứ, nên áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho ly hôn để giải phóng cho cả hai bên.

Về con chung: Chị T và anh S có một con chung là Nguyễn Mạnh H sinh ngày 09/4/2008 hiện đang ở với anh S. Do cháu H có nguyện vọng được tiếp tục ở cùng anh S và phía chị Th cũng đã đồng thuận, bản thân anh S cũng có đủ điều kiện để nuôi dạy, chăm só con chung... Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi và ổn định cho sự phát triển của con chung, nên giao cháu H cho anh S trực tiếp chăm sóc giáo dục là hợp lẽ; Quá trình tố tụng, phía anh S không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra.

Về tài sản chung: Các bên đều không đề nghị xem xét xét nên Tòa không xét.

Về công nợ chung: Các bên đều khẳng định vợ chồng không có công nợ chung nên không xét.

[3] *Về án phí:* Chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] *Về quyền kháng cáo:* Chị T, anh S có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57 Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên:

1. Xử cho chị Thân Thị Thanh T được ly hôn anh Nguyễn Văn S.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Mạnh H sinh ngày 09/4/2008 cho anh Nguyễn Văn S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; tạm miễn cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T đến khi có sự thay đổi theo qui định của pháp luật; Chị T có quyền đi lại thăm nom con chung không ai đượ phép ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Các bên đều không đề nghị xem xét nên không xét.

4. Về án phí: Chị Thân Thị Thanh T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp theo biên lai thu số 0047909 ngày 15/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Xuyên. Chị T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, báo nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Phú Xuyên;
- VKSND TP Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện Phú Xuyên;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phùng Văn Phong

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phùng Văn Phong

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Phú Xuyên;
- VKSND TP Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện Phú Xuyên;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phùng Văn Phong